

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hạp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Công	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Thành viên
Ông Phạm Minh Huân	Thành viên
Bà Đào Thị Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hạp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tất Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thiện Cảnh	Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đỗ Văn Hạng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Số: /2014/ UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/03/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, số dự phòng ước tính cần phải trích lập là 4.567.929.073 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải tại ngày 31/12/2013, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Tuấn Vinh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

2067-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.993.686.292	96.030.829.987
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.376.030.829	10.494.403.246
Tiền	111		2.376.030.829	10.494.403.246
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.814.959.724	52.717.800.299
Phải thu khách hàng	131		60.503.368.944	46.564.917.031
Trả trước cho người bán	132		5.093.958.559	5.434.288.189
Phải thu nội bộ	133		1.116.375.661	955.411.349
Các khoản phải thu khác	135	5	3.335.920.560	945.335.580
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(234.664.000)	(1.182.151.850)
Hàng tồn kho	140		26.341.939.564	24.296.064.013
Hàng tồn kho	141	6	26.341.939.564	24.296.064.013
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.460.756.175	2.522.562.429
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	20.179.718
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.460.756.175	2.502.382.711
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.089.481.903	17.117.824.342
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		12.133.833.385	15.221.565.237
Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.593.276.521	14.562.296.154
- Nguyên giá	222		27.913.653.446	32.019.159.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.320.376.925)	(17.456.863.473)
Tài sản cố định vô hình	227	9	331.852.500	450.564.719
- Nguyên giá	228		874.462.000	935.654.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(542.609.500)	(485.089.481)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	208.704.364	208.704.364
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.955.648.518	1.896.259.105
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.915.648.518	1.896.259.105
Tài sản dài hạn khác	268		40.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN	270		121.083.168.195	113.148.654.329

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		85.123.145.698	71.122.769.918
Nợ ngắn hạn	310		85.123.145.698	71.122.769.918
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	26.886.294.426	11.862.177.853
Phải trả người bán	312		14.454.830.915	14.746.134.231
Người mua trả tiền trước	313		17.465.994.570	22.874.817.037
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.824.583.594	6.431.547.258
Phải trả người lao động	315		13.171.294.772	8.380.261.311
Chi phí phải trả	316		182.847.319	-
Phải trả nội bộ	317		1.261.200.000	1.506.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	5.181.538.405	4.901.786.755
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		694.561.697	419.545.473
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.960.022.497	42.025.884.411
Vốn chủ sở hữu	410	15	35.659.656.727	42.160.868.623
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.295.890.000	20.295.890.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		10.898.899.342	897.094.707
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.134.868	795.271.353
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.462.732.517	20.172.612.563
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		300.365.770	(134.984.212)
Nguồn kinh phí	432	16	300.365.770	(134.984.212)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		121.083.168.195	113.148.654.329

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			2.027.454.132	1.132.736.557
Ngoại tệ các loại			-	-
- USD			462,51	52.886,17
- EURO			428,91	276,55
- YEN				22.647

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	101.661.659.065	91.531.025.804
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		101.661.659.065	91.531.025.804
Giá vốn hàng bán	11	18	71.350.894.401	66.681.624.222
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.310.764.664	24.849.401.582
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	927.428.078	15.192.561.239
Chi phí tài chính	22	20	2.034.252.795	1.266.822.571
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.688.778.848</i>	<i>908.426.798</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	24.371.120.239	23.101.595.998
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.832.819.708	15.673.544.252
Thu nhập khác	31		96.030.820	226.286.779
Chi phí khác	32		6.496.502	-
Lợi nhuận khác	40		89.534.318	226.286.779
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.922.354.026	15.899.831.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.242.559.113	3.969.392.708
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.679.794.913	11.930.438.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.813	5.878

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		86.148.373.434	88.023.695.489
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(47.903.585.981)	(54.824.114.097)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(24.944.514.527)	(46.846.916.212)
Tiền chi trả lãi vay	4		(1.393.767.263)	(908.426.798)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.162.381.711)	(4.081.890.740)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		6.562.271.225	7.997.426.514
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(15.814.249.402)	(9.248.374.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		492.145.775	(19.888.600.477)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.648.454)	(1.127.487.932)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		81.387.273	32.036.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(23.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.624.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		515.340.902	14.917.390.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		516.079.721	42.445.939.237
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.430.000.000	19.866.085.764
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.542.078.098)	(31.208.257.197)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.015.413.600)	(3.638.905.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.127.491.698)	(14.981.077.033)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.119.266.202)	7.576.261.727
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.494.403.246	2.847.105.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		893.785	71.036.409
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.376.030.829	10.494.403.246

Đỗ Văn Hật
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 8 năm 2005 và Quyết định 4382/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104570, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 09 năm 2011 (chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010328 ngày 16 tháng 12 năm 2005) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty có các thông tin về các Chi nhánh như sau:

Tên Chi nhánh**Địa chỉ**

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải
305 đường D5, phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Công trình
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thông tin tín hiệu
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng cầu hầm
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Khảo sát Công trình
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải: Xí nghiệp Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải: Xí nghiệp Đầu tư Bất động sản
Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Tại ngày 31/12/2013 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 360 người (năm 2012 là 390 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: cầu, hầm, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Thẩm tra các báo cáo đầu tư và dự án đầu tư, thiết kế và dự toán công trình;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật mới...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các Báo cáo tài chính như được trình bày trong Thuyết minh số 24.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 24 trên các Báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	03 - 06
- Phương tiện vận tải	08

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Phần mềm thiết kế	05

3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác:

Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung các điều khoản của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (TIẾP)**Giá vốn:

Chi phí giá vốn của Công ty được xác định bằng chi phí dở dang đầu kỳ cộng (+) chi phí phát sinh thực tế trong kỳ trừ (-) đi giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm tài chính được Công ty xác định là các chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương và các khoản chi phí phân bổ) của các công trình/hạng mục công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành và chắc chắn sẽ được nghiệm thu và thanh toán trong tương lai.

Chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở doanh thu thực tế ghi nhận trong năm. Chi phí tiền lương năm 2013 của Công ty được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương theo doanh thu ban hành theo Quyết định số 313/QĐ-QLKD ngày 31/3/2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

3.10 NGOẠI TỆ

Năm 2013, Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyên khoản của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

3.11 THUẾThuế giá trị gia tăng (VAT):

Dịch vụ khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch chịu thuế suất 10%

Sản phẩm chế thử, sản phẩm nghiên cứu, đề tài khoa học công nghệ chịu thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	202.220.900	126.085.000
Tiền gửi ngân hàng	2.173.809.929	10.368.318.246
	<u>2.376.030.829</u>	<u>10.494.403.246</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trả trước cho người lao động	954.950.948	503.715.937
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	509.104.390	220.808.612
Dự thu lãi tiền gửi tại Ngân hàng	203.000.000	203.000.000
KPCĐ, BHXH phải thu của lao động	66.397.570	17.811.031
Tiền lương dự án (*)	1.601.052.940	-
Phải thu khác	1.414.712	-
	<u>3.335.920.560</u>	<u>945.335.580</u>

(*) Tiền lương Công ty đã chi trả cho các chuyên gia tham gia các dự án. Do các dự án chưa hoàn thành nên chi phí chưa được kết chuyển.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.418.114	12.225.300
Công cụ, dụng cụ	11.066.437	13.280.314
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.319.455.013	24.270.558.399
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	<u>26.341.939.564</u>	<u>24.296.064.013</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.786.695.983	1.882.046.615
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	674.060.192	620.336.096
	<u>2.460.756.175</u>	<u>2.502.382.711</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2013	14.122.945.189	10.938.486.835	6.957.727.603	32.019.159.627
- Mua trong năm	-	551.051.818	20.284.546	571.336.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(321.750.129)	(321.750.129)
- Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(29.437.620)	(4.306.326.796)	(19.328.000)	(4.355.092.416)
31/12/2013	14.093.507.569	7.183.211.857	6.636.934.020	27.913.653.446
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2013	6.120.302.537	7.437.013.732	3.899.547.204	17.456.863.473
- Khấu hao trong năm	396.455.093	1.178.871.139	596.288.902	2.171.615.134
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(321.750.129)	(321.750.129)
- Giảm do phân loại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(71.449.722)	(2.617.809.492)	(297.092.339)	(2.986.351.553)
31/12/2013	6.445.307.908	5.998.075.379	3.876.993.638	16.320.376.925
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2013	8.002.642.652	3.501.473.103	3.058.180.399	14.562.296.154
31/12/2013	7.648.199.661	1.185.136.478	2.759.940.382	11.593.276.521

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.680.119.905 đồng

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là các Phần mềm thiết kế. Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá: 874.452.000 đồng, giá trị còn lại: 331.852.500 đồng và giá trị hao mòn lũy kế: 542.609.500 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Toà nhà TRICC	208.704.364	208.704.364
	208.704.364	208.704.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí CCDC và vật tư xuất dùng	1.915.648.518	1.266.585.772
Chi phí sửa chữa văn phòng đi thuê	-	629.673.333
	1.915.648.518	1.896.259.105

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	26.886.294.426	11.862.177.853
Trong đó:		
- Vay NHTMCP Công Thương Đông Đa	15.036.294.426	10.692.177.853
- Vay cá nhân (*)	11.050.000.000	1.170.000.000
- Vay tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	800.000.000	-
	26.886.294.426	11.862.177.853

(*) Khoản vay cá nhân lãi suất thay đổi theo các thông báo lãi suất trong năm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải. Lãi suất vay cá nhân bằng lãi suất vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	4.089.730.676	4.152.934.951
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.242.559.113	2.050.557.211
Thuế thu nhập cá nhân	492.293.805	228.055.096
	5.824.583.594	6.431.547.258

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	60.763.613
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.181.538.405	4.841.023.142
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>	<i>120.750.000</i>	<i>536.812.500</i>
+ <i>Phải trả nhà thầu trong nước</i>	<i>2.353.133.305</i>	<i>4.122.884.644</i>
+ <i>Phải trả khác</i>	<i>399.499.440</i>	<i>181.325.998</i>
+ <i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>2.308.155.660</i>	-
	5.181.538.405	4.901.786.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2012	20.295.890.000	897.094.707	545.596.120	13.250.237.412	34.988.818.239
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	11.930.438.323	11.930.438.323
- Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.653.260.200)	(3.653.260.200)
- Trích lập quỹ	-	-	249.675.233	(249.675.233)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(105.127.739)	(105.127.739)
31/12/2012	20.295.890.000	897.094.707	795.271.353	20.172.612.563	42.160.868.623
01/01/2013	20.295.890.000	897.094.707	795.271.353	20.172.612.563	42.160.868.623
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.679.794.913	3.679.794.913
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm 2012	-	10.001.804.635	1.234.317.647	(17.527.848.182)	(6.291.725.900)
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.500.451.159)	(1.500.451.159)
- Giảm khác (*)	-	-	(2.027.454.132)	(361.375.618)	(2.388.829.750)
31/12/2013	20.295.890.000	10.898.899.342	2.134.868	4.462.732.517	35.659.656.727

(*) Trong năm 2013 Công ty có sử dụng quỹ dự phòng tài chính để xử lý khoản công nợ Phải thu khó đòi đối với 35 Công trình có tuổi nợ từ 5 - 10 năm với số tiền là 2.027.454.132 đồng theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 07/02/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	9.945.040.000	9.945.040.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.350.850.000	10.350.850.000
	20.295.890.000	20.295.890.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.295.890.000	20.295.890.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.295.890.000	20.295.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.015.413.600	3.638.905.600

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.029.589	2.029.589
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15.5 CÁC QUỸ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.898.899.342	897.094.707
Quỹ dự phòng tài chính	2.134.868	795.271.353
	10.901.034.210	1.692.366.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.263.037.500	1.015.000.000
Chi sự nghiệp	962.671.730	1.149.984.212
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	300.365.770	(134.984.212)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.661.659.065	91.531.025.804
	101.661.659.065	91.531.025.804

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.350.894.401	66.681.624.222
	71.350.894.401	66.681.624.222

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	519.509.459	882.583.110
Lãi bán ngoại tệ	204.024.834	74.805.720
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	893.785	71.036.409
Lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty con	-	13.961.136.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	203.000.000	203.000.000
	927.428.078	15.192.561.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	1.505.931.529	908.426.798
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	345.473.947	40.213.955
Chi phí tư vấn và thẩm định giá để chuyển nhượng vốn tại Công ty con	-	318.181.818
Dự lãi vay chi trả cho cá nhân	157.226.452	-
Dự lãi vay chi trả cho ngân hàng	25.620.867	-
	2.034.252.795	1.266.822.571

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.922.354.026	15.899.831.031
Các khoản chi phí không được khấu trừ		
- Khấu hao TSCĐ không được khấu trừ	48.776.210	48.776.210
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	893.785	71.036.409
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	4.970.236.451	15.877.570.832
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.242.559.113	3.969.392.708
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.242.559.113	3.969.392.708

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.040.150.668	5.458.323.317
Chi phí nhân công	48.886.840.264	43.954.427.372
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.346.232.860	2.499.735.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.054.497.852	16.028.721.256
Chi phí khác bằng tiền	24.443.189.610	25.108.558.606
	97.770.911.254	93.049.765.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ (TIẾP)***Trong đó:*

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.319.455.013	24.270.558.399
	26.319.455.013	24.270.558.399

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**23.1. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.678.901.128	11.930.438.323
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	2.029.589	2.029.589
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.813	5.878

23.2. LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	3.679.794.913	11.930.438.323
	3.679.794.913	11.930.438.323

23.3. SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.029.589	2.029.589
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.029.589	2.029.589

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN (TIẾP)**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 - Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.376.030.829	10.494.403.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.604.625.504	46.328.100.761
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng	71.980.656.333	62.822.504.007
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	26.886.294.426	11.862.177.853
Phải trả người bán	14.454.830.915	14.746.134.231
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.181.538.405	4.901.786.755
Tổng	46.522.663.746	31.510.098.839
Trạng thái ròng	25.457.992.587	31.312.405.168

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên Công ty có ít giao dịch bằng ngoại tệ nên ít chịu rủi ro về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tiền gửi bằng ngoại tệ		
- USD	462,51	52.886,17
- EURO	428,91	276,55
- YEN	-	22.647

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 là: 2.173.809.929 đồng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)**

Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi của Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	31/12/2013	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	234.664.000	1.182.151.850
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(234.664.000)	(1.182.151.850)
	<u>-</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu năm	(1.182.151.850)	(1.177.329.657)
Dự phòng tăng	-	(4.822.193)
Dự phòng giảm	947.487.850	-
Số dư cuối năm	(234.664.000)	(1.182.151.850)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	26.886.294.426	-	26.886.294.426
Phải trả người bán	14.454.830.915	-	14.454.830.915
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.181.538.405	-	5.181.538.405
	46.522.663.746	-	-
01/01/2013			
Vay và nợ ngắn hạn	11.862.177.853	-	11.862.177.853
Phải trả người bán	14.746.134.231	-	14.746.134.231
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.901.786.755	-	4.901.786.755
	31.510.098.839	-	31.510.098.839

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1-5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.376.030.829	-	2.376.030.829
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.604.625.504	-	63.604.625.504
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
	71.980.656.333	-	71.980.656.333
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.494.403.246	-	10.494.403.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.328.100.761	-	46.328.100.761
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
	62.822.504.007	-	62.822.504.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu với các bên liên quan		33.884.772.975	34.321.942.011
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	Quyền biểu quyết 49%	2.463.603.091	8.154.520.572
<i>Cung cấp dịch vụ tư vấn</i>		2.463.603.091	8.154.520.572
- Ban QLDA ĐSKV1	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	6.525.800.090	6.142.112.195
- Ban QLDA ĐSKV2	nt	-	927.657.969
- Ban QLDA ĐSKV3	nt	9.589.853.636	7.804.550.000
- Các Công trình thuộc vốn hạ tầng	nt	2.850.199.089	2.188.738.049
- Ban QLDA các công trình Đường sắt (RPMU)	nt	12.455.317.069	9.104.363.225
Mua hàng từ các bên liên quan		8.748.000	120.000.000
- Nhà máy Xe lửa Gia Lâm	nt	8.748.000	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu	13.148.158.024	8.939.260.551
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	1.766.021.364	-
Ban QLDA ĐSKV1	2.582.321.985	-
Ban QLDA ĐSKV2	107.007.000	-
Ban QLDA ĐSKV3	2.300.142.000	-
Các Công trình thuộc vốn hạ tầng	1.657.118.660	928.735.661
Ban QLDA các công trình Đường sắt	4.735.547.015	8.010.524.890
Người mua trả tiền trước	1.753.970.000	6.722.034.664
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	1.753.970.000	6.722.034.664
Ban QLDA ĐSKV1	1.550.398.000	4.433.814.115
Ban QLDADSKV2	2.946.000.000	1.876.675.000
Ban QLDADSKV3		5.063.426.000
Các CT thuộc vốn hạ tầng	1.540.105.000	-
Ban QLDA các công trình Đường sắt	29.730.000	-
Các khoản phải trả	523.468.000	514.720.000
Nhà máy Xe lửa Gia Lâm	523.468.000	514.720.000
Các khoản vay	800.000.000	-
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	800.000.000	-

25.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Đỗ Văn Hật
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

Phạm Mỹ Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)